

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG PTDTNT THPT
HUYỆN TỬA CHÙA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 325.1/QĐ-DTNTTC

Tủa Chùa, ngày 11 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai việc giao bổ sung dự toán thu chi ngân sách
năm 2023 của Trường PTDTNT THPT huyện Tủa Chùa**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG PTDTNT THPT HUYỆN TỬA CHÙA

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách năm 2023 ;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình giao bổ sung dự toán ngân sách năm 2023 của trường PTDTNT THPT huyện Tủa Chùa .

(Có QĐ số 11711/QĐ-SGDĐT ngày 11/10/2023 kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Phó Hiệu trưởng, các tổ, bộ phận kế toán và toàn thể cán bộ, giáo viên nhân viên trường PTDTNT THPT huyện Tủa Chùa tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu :VT.

Hiệu trưởng



Nguyễn Văn Huỳnh

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Số: 1171 /QĐ-SGDĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Điện Biên, ngày 11 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2023

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 27/2021/UBND ngày 09/12/2021 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 1650/QĐ-UBND ngày 06/10/2023 của UBND tỉnh Điện Biên về việc bổ sung kinh phí cho các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố để chi thực hiện cải cách tiền lương (đợt I) năm 2023;

Xét đề nghị của Kế toán trưởng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2023 cho các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo để chi thực hiện cải cách tiền lương (đợt 1) năm 2023 chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán bổ sung chi ngân sách năm 2023 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức quản lý, thực hiện đúng Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Trưởng phòng Kế hoạch và Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN tỉnh;
- KBNN các huyện, TX;
- Lãnh đạo sở GDĐT;
- Các phòng CMNV Sở GDĐT;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Đoạt

ST T	TỔNG SỐ	CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ SỬ DỤNG											THPT TRẦN CÁN	THPT THANH CHÂN
		KHOI TRƯỞNG THPT	THPT MƯỜNG ANG	THPT MƯỜNG CHÁ	THPT TUẦN GIÁO	THPT THỊ XÃ MƯỜNG LAY	THPT THANH PHO ĐIỆN BIÊN PHÚ	THPT HUỖN DIỄN BIÊN	THPT LÊ QUÝ ĐÓN	THPT TỬA CHỦA	THPT PHAN BÌNH GIỚI	THPT LÊ QUÝ ĐÓN		
A	B	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074
I	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
1 Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1 Số thu phí, lệ phí	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1 Lệ phí	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.2 Phí	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2 Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.1 Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.2 Chi quản lý hành chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3 Số phí, lệ phí nộp NSNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.1 Lệ phí	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3.2 Phí	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II Dự toán chi NSNN	12.197.000	9.968.000	282.000	224.000	467.000	147.000	836.000	531.000	980.000	191.000	618.000	179.000	765.000	
1 Sự nghiệp Giáo dục	11.994.000	9.968.000	282.000	224.000	467.000	147.000	836.000	531.000	980.000	191.000	618.000	179.000	765.000	
1.1 Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	11.994.000	9.968.000	282.000	224.000	467.000	147.000	836.000	531.000	980.000	191.000	618.000	179.000	765.000	
Trong đó: Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	11.994.000	9.968.000	282.000	224.000	467.000	147.000	836.000	531.000	980.000	191.000	618.000	179.000	765.000	
1.2 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2 Chi quản lý hành chính	203.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2.1 Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	203.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Trong đó: Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	203.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
2.2 Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Mã số đơn vị sử dụng NSNN	-	-	1031712	1031709	1031710	1031714	1031711	1031584	1031672	1031670	1031671	1031763	1031708	

DỰ TOÁN BỔ SUNG THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

Đơn vị: Trường phổ thông DTNT THPT huyện Tủa Chùa
Mã số: 1098185
Mã KBNN nơi giao dịch: 2762

(Kèm theo Quyết định số 1171/QĐ-SGDĐT ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo)
Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ Phí	
1.2	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	226.000
1	Chi sự nghiệp giáo dục	226.000
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	226.000
	<i>Trong đó: Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương</i>	<i>226.000</i>
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
	<i>Trong đó:</i>	

Đơn vị: 1.000 đồng

ST T		CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ SỰ DỤNG														Đơn vị 1.000 đồng	
		THPT NÀ TÀU	THPT MƯỜNG LUN	THPT BỪNG LAO	THPT MƯỜNG NHÀ	THPT MÜN CHUNG	THPT MƯỜNG NHÉ	THPT CHÁ CANG	THPT TÁ SİN THANG	THPT THANH NÚA	THPT NÀM PÔ	THPT LƯONG THÉ VINH	THCS-THPT QUÁI TÔ	THCS-THPT QUYẾT TIẾN			
		Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074			
A	B	14	15	16	17	18	19	20	21	22	24	25	26	27			
1	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí																
1	Số thu phí, lệ phí																
1.1	Lệ phí																
1.2	Phí																
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại																
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo																
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên																
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên																
2.2	Chi quản lý hành chính																
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ																
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ																
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN																
3.1	Lệ phí																
3.2	Phí																
II	Dự toán chi NSNN	217.000	287.000	190.000	177.000	249.000	905.000	292.000	251.000	342.000	142.000	442.000	785.000	469.000			
1	Sự nghiệp Giáo dục	217.000	287.000	190.000	177.000	249.000	905.000	292.000	251.000	342.000	142.000	442.000	785.000	469.000			
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	217.000	287.000	190.000	177.000	249.000	905.000	292.000	251.000	342.000	142.000	442.000	785.000	469.000			
Trong đó: Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		217.000	287.000	190.000	177.000	249.000	905.000	292.000	251.000	342.000	142.000	442.000	785.000	469.000			
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
2	Chi quản lý hành chính																
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ																
Trong đó: Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương																	
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ																
Mã số đơn vị sự dụng NSNN		1033929	1033362	1.033.924	1033926	1031216	1031213	1082049	1082048	1098183	1123866	1123865	1123923	1127252			

CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

Đơn vị: 1000 đồng

CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ SỬ DỤNG													Đơn vị: 1000 đồng
ST T	NỘI DUNG	PTĐT TỈNH	KHOA TRƯỞNG ĐỊNH HUYỆN	ĐỊNH HUYỆN BIÊN BIÊN	ĐỊNH HUYỆN TÀ CHUA	ĐỊNH HUYỆN BIÊN BIÊN ĐÔNG	ĐỊNH HUYỆN TUAN GIAO	ĐỊNH HUYỆN MƯỜNG CHA	ĐỊNH HUYỆN MƯỜNG NHÉ	ĐỊNH HUYỆN MƯỜNG ANG	ĐỊNH HUYỆN NAM PÔ	TRUNG TÂM HO TRỢ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HOA NHẬP	
		Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 074	Loại 070-khoản 075	
A	B	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	43	
1	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		-										
1	Số thu phí, lệ phí		-										
1.1	Lệ phí												
1.2	Phí												
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại		-										
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo		-										
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên												
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên												
2.2	Chi quản lý hành chính												
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ												
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ												
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN												
3.1	Lệ phí												
3.2	Phí												
II	Dự toán chi NSNN	303.000	1.586.000	198.000	226.000	193.000	159.000	128.000	328.000	249.000	105.000	137.000	
1	Sự nghiệp Giáo dục	303.000	1.586.000	198.000	226.000	193.000	159.000	128.000	328.000	249.000	105.000	137.000	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	303.000	1.586.000	198.000	226.000	193.000	159.000	128.000	328.000	249.000	105.000	137.000	
	Trong đó: Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	303.000	1.586.000	198.000	226.000	193.000	159.000	128.000	328.000	249.000	105.000	137.000	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		-			-							
2	Chi quản lý hành chính												
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		-										
	Trong đó: Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		-										
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		-										
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN	1031668		1098180	1098185	1098179	1098184	1098181	1098182	1098379	1126819	1129052	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CHƯƠNG: 422

PHẦN BỔ DỰ TOÁN BỔ SUNG THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số 1171/QĐ-SGDĐT ngày 10/10/2023)

ST T		CHI TIẾT THEO TỪNG ĐƠN VỊ SỬ DỤNG										GHI CHÚ
		VĂN PHÒNG SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO										
		TỔNG SỐ	Loại 340 khoản 341	Loại 070 khoản 072	Loại 070 khoản 074	Loại 070 khoản 081	Loại 070 khoản 084	Loại 070 khoản 085	Loại 070 khoản 093			
A	B											
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	45	48	49	51	52	53	54	55	55		
1	Số thu phí, lệ phí											
1.1	Lệ phí											
1.2	Phí											
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại											
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo											
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên											
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên											
2.2	Chi quản lý hành chính											
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ											
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ											
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN											
3.1	Lệ phí											
3.2	Phí											
II	Dự toán chi NSNN	203.000	203.000	-	-	-	-	-	-	-		
I	Sự nghiệp Giáo dục	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	Trong đó: Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
2	Chi quản lý hành chính	203.000	203.000	-	-	-	-	-	-	-		
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	203.000	203.000									
	Trong đó: Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	203.000	203.000									
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-									
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN											
		1031713										

Đơn vị: 1.000 đồng